



DỊCH VỤ GIẢI PHÁP THANH TOÁN MOBIPOS

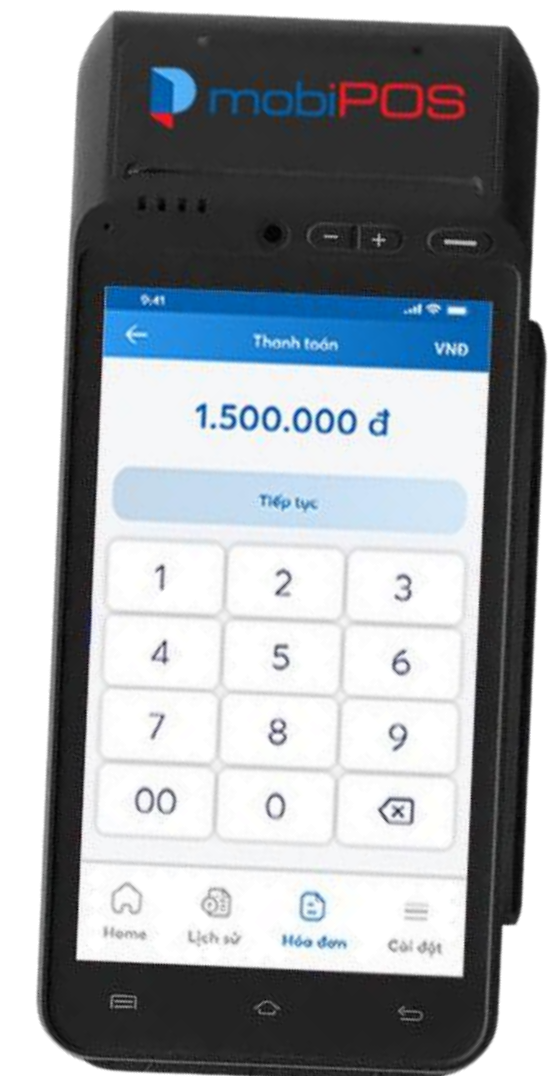


<https://mobipos.mobifonemoney.vn>



10/2025

NỘI DUNG CHÍNH

01**Mô tả dịch vụ****02****Các tính năng nổi bật****03****Lợi ích mang lại****04****Đối tượng khách hàng****05****Điều kiện sử dụng****06****Biểu phí****07****Quy trình cung cấp dịch vụ****08****Hotline liên hệ****09****Một số dòng máy mobiPOS****10****Tài liệu sử dụng dịch vụ**

1

MÔ TẢ DỊCH VỤ

- Dịch vụ Giải pháp thanh toán mobiPOS là thiết bị/giải pháp giúp các merchant (cửa hàng, doanh nghiệp) chấp nhận nhiều phương thức thanh toán không dùng tiền mặt như QR, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, Apple Pay, Samsung Pay,...
- Giải pháp này là sản phẩm hợp tác giữa MobiFone và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).



2 CÁC TÍNH NĂNG DỊCH VỤ NỔI BẬT

Màn hình cảm ứng ●

Quản lý thiết bị tập trung OTA ●

In biên lai giấy ●

Đáp ứng các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế ●

Bluetooth ●

● Thanh toán độc lập

● Chấp nhận tất cả loại thẻ

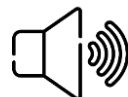
● Đa dạng phương thức thanh toán

● Loa phát âm báo giao dịch

● 4G, Wifi



2 CÁC TÍNH NĂNG DỊCH VỤ NỔI BẬT



Chức năng	POS phổ thông	POS lưu động	mobiPOS
1. Khả năng thanh toán độc lập	✓		✓
2. Loại thẻ chấp nhận (Thẻ nội địa, Thẻ quốc tế)	✓	✓	✓
3. Phương thức thanh toán (Thẻ Chip, QR, Contactless, Apple Pay, Samsung Pay...)	Ít đa dạng	Ít đa dạng	✓
4. Loa phát âm báo giao dịch (QR Sound)	Ít đa dạng		✓
5. Bluetooth	Ít đa dạng	✓	✓
6. 4G, Wifi	✓	Ít đa dạng	✓
7. Màn hình cảm ứng			✓
8. Quản lý thiết bị tập trung OTA (Vị trí, trạng thái thiết bị, Install/Uninstall ứng dụng)			✓
9. In biên lai giấy	✓		✓
10. Đáp ứng các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế		✓	✓

3 LỢI ÍCH MANG LẠI

Hỗ trợ đa dạng, linh hoạt
phương thức thanh toán

Thẻ ATM, Visa/Master, QR Code, Ví điện
tử Apple Pay, Samsung Pay...

Giao dịch nhanh chóng,
ổn định

Thu tiền nhanh – chính xác

Giảm rủi ro sai sót, thất thoát khi xử lý
tiền mặt.

An toàn, bảo mật chuẩn quốc tế
PCI DSS.

01

02

03

04



05

06

07

08

Quản lý doanh thu minh bạch

Báo cáo giao dịch theo thời gian thực,
đối soát dễ dàng

Tích hợp dễ dàng với Hệ thống
quản lý bán hàng

Chính sách phí cạnh tranh, minh
bạch và linh hoạt theo ngành nghề.

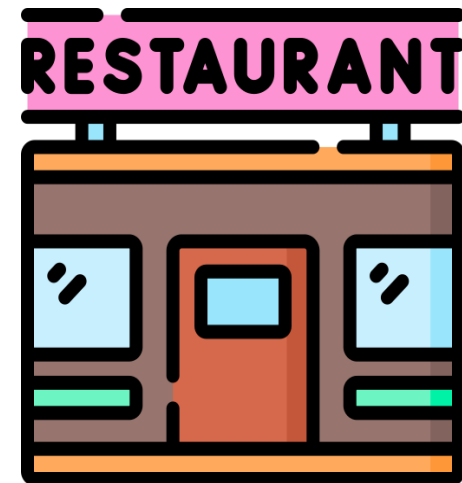
- Chăm sóc khách hàng 24/7
- Hỗ trợ chương trình khuyến mại,
tích điểm cho khách hàng

4 ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG



01

Các cửa hàng bán lẻ, siêu thị, trung tâm thương mại, kênh chuỗi



02

Nhà hàng, quán cafe, khách sạn



03

Bệnh viện, phòng khám.



04

Doanh nghiệp dịch vụ
(vận tải, logistics, giáo dục, bảo hiểm...)

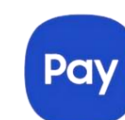
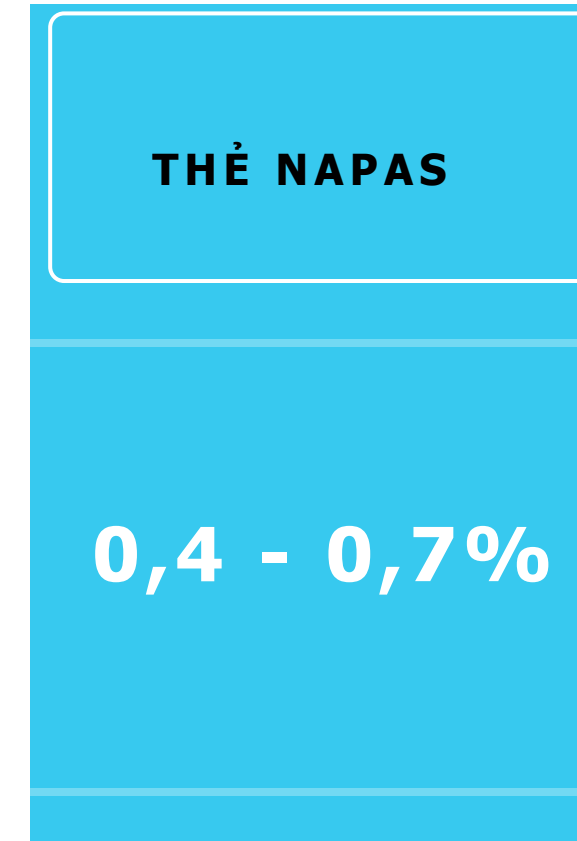
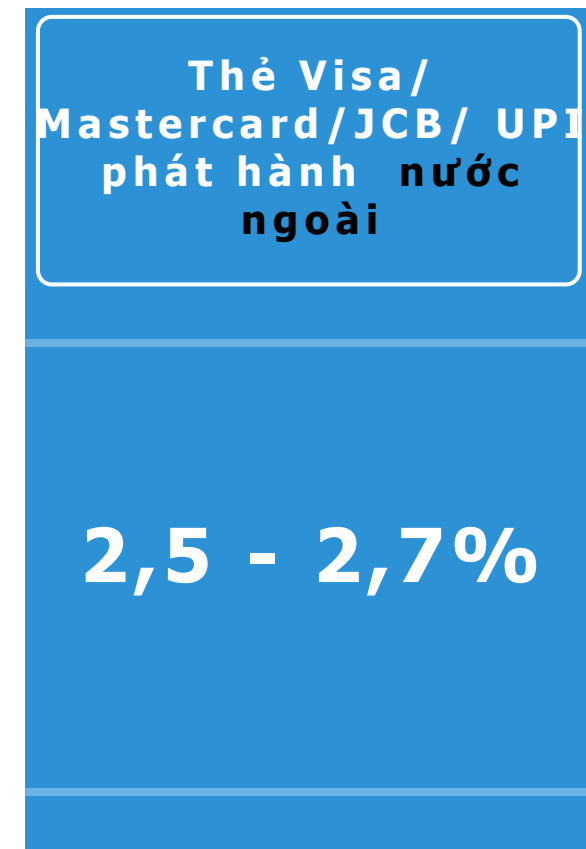
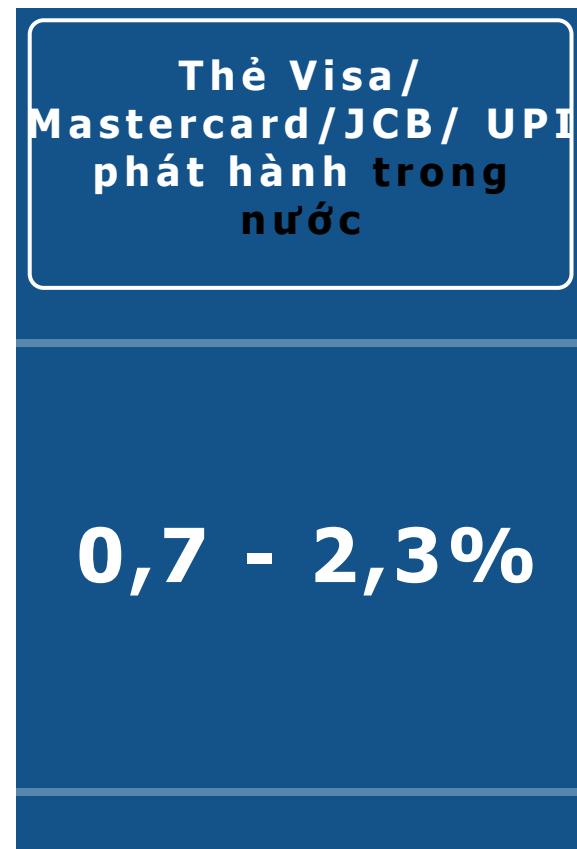
5 ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG

01	02	03	04
			
Mở tài khoản thanh toán	Đăng ký sử dụng dịch vụ	Thuê thiết bị mobiPOS	Thiết bị ở trạng thái sẵn sàng
Đơn vị chấp nhận thanh toán (Merchant) mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng VPBank	Đăng ký sử dụng dịch vụ mobiPOS với biểu phí giao dịch MobiFone quy định	Thuê thiết bị mobiPOS để sử dụng dịch vụ	Bật nguồn và sẵn sàng kết nối Internet (4G/Wifi)

6 BIỂU PHÍ

LOẠI PHÍ	QUY ĐỊNH	GHI CHÚ
 Phí Giao dịch thanh toán	Từ 0% – 2,70% GTGD	Tùy theo các Nhóm ngành nghề, loại thẻ & hình thức thanh toán
 Phí vận hành (phí thuê thiết bị)	- Từ 200.000đ/thiết bị/tháng - Miễn phí phí thuê nếu phát sinh GD tối thiểu 60.000.000đ/tháng	Phí đặt cọc dự kiến: 3.000.000 /thiết bị
 Các loại phí khác (nếu có)	Theo thực tế phát sinh: 4G/Wifi, giấy in hóa đơn...	

6.1 PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN



samsung pay



6.2 PHÍ THUÊ THIẾT BỊ



TÊN THIẾT BỊ

- X990
- TIANYU P30

PHÍ THUÊ THIẾT BỊ (Gồm VAT)

200.000
đ/tháng

Miễn phí nếu phát sinh
GD tối thiểu
60.000.000đ/tháng

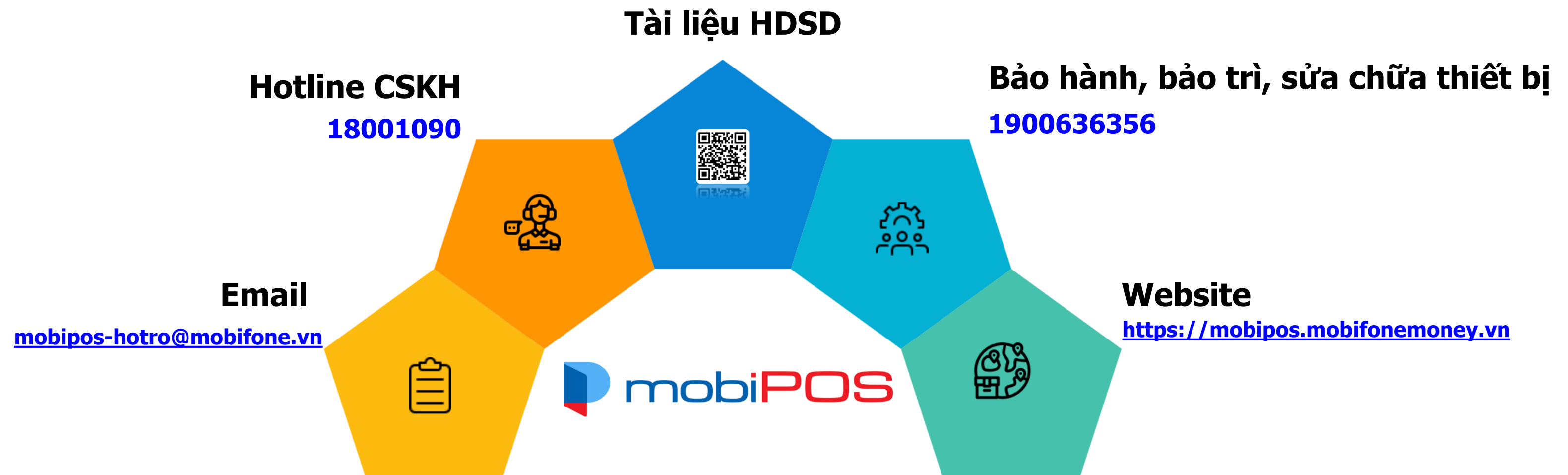
PHÍ ĐẶT CỌC (Dự kiến)

3.000.000đ

► Chính sách phí có thể thay đổi theo từng giai đoạn.

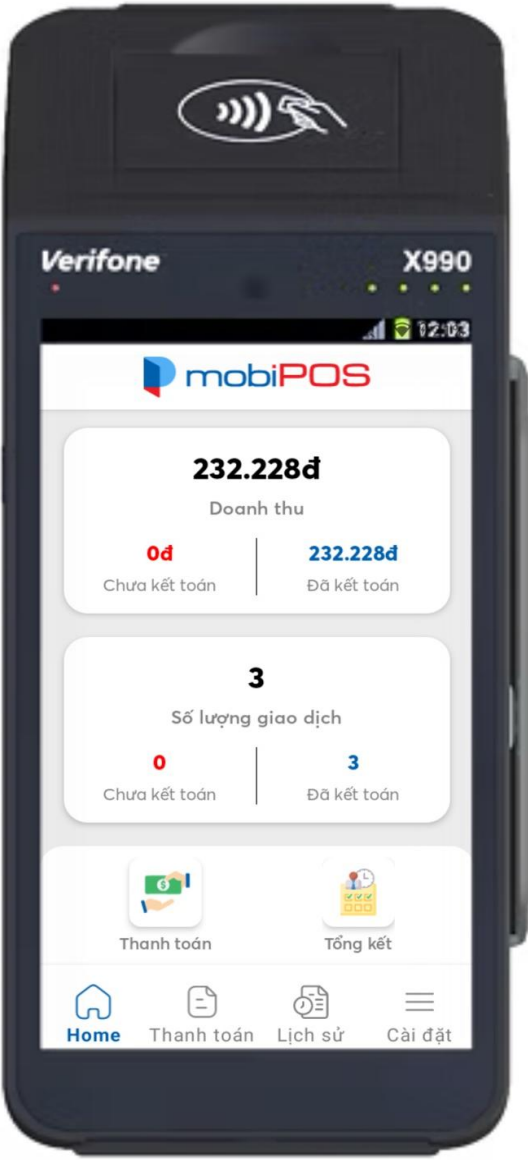
**BƯỚC 1: TIẾP NHẬN****BƯỚC 2: KH ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ****BƯỚC 3: KÝ HỢP ĐỒNG****BƯỚC 4:
BÀN GIAO POS**

- Tiếp nhận nhu cầu của ĐVCNTT
- Khảo sát và tiếp nhận hồ sơ đăng ký dịch vụ
- ĐVCNTT ký Hợp đồng sử dụng dịch vụ
- Thẩm định hồ sơ khách hàng
- Thực hiện các thủ tục khai báo kỹ thuật
- MobiFone, VPBank ký Hợp đồng 3 bên với ĐVCNTT
- Bàn giao Thiết bị POS, Hợp đồng tới ĐVCNTT
- Hướng dẫn sử dụng dịch vụ



9 MỘT SỐ DÒNG MÁY POS

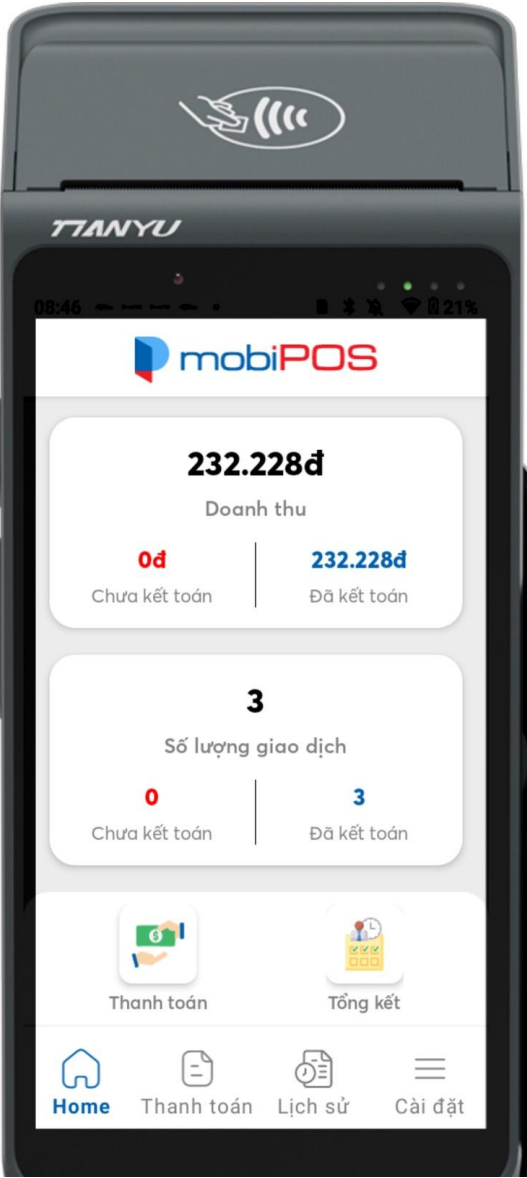
X990



Thông số kỹ thuật

PROCESSOR	Cortex-A53 Quad-core CPU, 1.4GHz 32bit secure processor
OPERATING SYSTEM	Android 10.x
MEMORY	Internal: 1GB SDRAM + 8GB flash External: SD/TF card up to 128G
DISPLAY	5.5" (1280 x 720 HD) capacitive touch screen
PRINTER	25 ips, 40mm paper roll
CARD SLOTS	1 SIM & 2 SAMs or 2 SIMs & 1 SAM
CARD READERS (MAGSTRIPE/IC/CONTACTLESS)	Triple track mag strip EMV L1/L2 approved smart card Contactless
CONNECTIVITY	1 x USB Type C
COMMUNICATIONS	WAN: 4G / 3G / 2G Bluetooth: 4.2 Wi-Fi GPS, A-GPS
CAMERA	Front: 0.3MP front / 5MP rear camera with flash-light
BATTERY	18.72Wh, DC 7.2V / 2600 mAh Li-ion
POWER SUPPLY	Input: AC 100V~240V/50~60HZ 0.3~0.5A output: DC 5V/2A
CERTIFICATION	PCI PTS 6.x
DIMENSIONS & WEIGHT	L x W x H: 193 x 84 x 64 mm, 420 g
OPTIONAL ACCESSORIES	Base: detachable full feature base (DX30) Memory: 2GB SDRAM, 16GB flash Camera: 2MP front 8MP rear camera optional Other: Biometric reader Face recognition 3D camera ETH / USB / RS232 via FF base

TIANYU P30



Thông số kỹ thuật

OS	Android 10
CPU	Quad-core ARM Cortex-A53, 1.4GHz, 32-bit Security Processor
Memory	RAM: 1GB, FLASH: 8GB, 2GB/16GB (Optional)
Display	5.5" , 1280X720 Display, Capacitive multi-touch
Contactless	Support ISO/IEC 14443 Type A/B, Mifare
IC Card Reader	Capable of 1.8V/3V/5V Card
Magstripe Reader	Support Triple Track, Dual Stripe
Camera	Rear: 5MP AF, Read 1D&2D Barcode, Front: 2MP FF (Optional)
Printer	Built-in High-speed Thermal Printer, Printing Paper Width 58mm/Diameter 40mm
Card Slot	2 x SIM Slot + 2 x PSAM Slot + 1 x TF, 1 x SIM Slot + 3 x PSAM Slot + 1 x TF (Optional)
Audio	Built-in Speaker For Audio Player, Recorder
Dimension & Weight	190.5mm x 82.5mm x 64.5mm, 438g
Biometric (Optional)	Highly sensitive fingerprint recognition
Base (Optional)	Recharger, USB Device/RJ45
Peripheral Ports	1 x USB TYPE-C (OTG), Pogopins
Connectivity	FDD-LTE, TDD-LTE, WCDMA, GPRS, Wi-Fi, Bluetooth
Battery	Rechargeable Battery, 7.4V, 2600mAh, 3400mAh(Optional)
Certification	PCI PTS 6.x, TQM, EMV L1&L2, EMV Contactless L1, UnionPay QuickPass, payWave, PayPass, JCB, American ExpressPay, Discover D-PAS, CE, FCC, RoHS, WPC, BIS, Rupay

10 TÀI LIỆU SỬ DỤNG MOBIPOS

Link tài liệu	hoặc quét mã QR
https://shorturl.at/aqcJm	

mobifone

mobiPOS

THANK YOU

Presented By:
MobiFone

Date:
10/2025



PHỤ LỤC

1

BIỂU PHÍ THANH TOÁN

2

GÓI COMBO DỊCH VỤ MOBIPOS



1

BIỂU PHÍ THANH TOÁN

1.1. Biểu phí thanh toán thẻ:

Biểu phí tối thiểu tương ứng với mỗi loại thẻ và nhóm ngành quy định cụ thể như sau:

TT	Nhóm ngành	Thẻ Visa/ Mastercard/ JCB/ UPI phát hành trong nước	Thẻ Visa/ Mastercard/ JCB/ UPI phát hành tại nước ngoài	Thẻ Napas
1	Nhóm 1	0,70%	2,50%	0,70%
2	Nhóm 2	0,80%	2,50%	0,40%
3	Nhóm 3	0,80%	2,50%	0,70%
4	Nhóm 4	1,00%	2,50%	0,70%
5	Nhóm 5	1,00%	2,50%	0,70%
6	Nhóm 6	2,00%	2,50%	0,70%
7	Nhóm 7	2,00%	2,50%	0,70%
8	Nhóm 8	2,10%	2,50%	0,70%
9	Nhóm 9	2,10%	2,50%	0,70%
10	Nhóm 10	2,10%	2,50%	0,70%
11	Nhóm 11	2,30%	2,70%	0,70%
12	Nhóm 12	2,10%	2,50%	0,70%
- Mức phí trên chưa bao gồm VAT.				

Chính sách phí có thể thay đổi theo từng giai đoạn

1 BIỂU PHÍ THANH TOÁN

1.2. Biểu phí thanh toán qua mã QR:

Biểu phí tối thiểu tương ứng với mỗi loại thẻ và nhóm ngành quy định cụ thể như sau:

TT	Nhóm ngành	Thẻ Visa/ Mastercard/ JCB/ UPI phát hành trong nước	Thẻ Visa/ Mastercard/ JCB/ UPI phát hành tại nước ngoài	Thẻ Napas (qua VietQR)
1	Nhóm 1	-	-	0%
2	Nhóm 2	-	-	0%
3	Nhóm 3	-	-	0%
4	Nhóm 4	-	-	0%
5	Nhóm 5	-	-	0%
6	Nhóm 6	-	-	0%
7	Nhóm 7	-	-	0%
8	Nhóm 8	-	-	0%
9	Nhóm 9	-	-	0%
10	Nhóm 10	-	-	0%
11	Nhóm 11	-	-	0%
12	Nhóm 12	-	-	0%
- Mức phí trên chưa bao gồm VAT.				

Chính sách phí có thể thay đổi theo từng giai đoạn

1 BIỂU PHÍ THANH TOÁN

1.3. Chi tiết các nhóm ngành:

TT	Nhóm dịch vụ	Mã nhóm ngành (MCC)
1	Nhóm 1: Dịch vụ Công	9221, 9222, 9311, 9399, 9402
2	Nhóm 2: Từ Thiện	8398
3	Nhóm 3: Xăng dầu	5541, 5542
4	Nhóm 4: Dịch vụ Tiện ích: điện, gas, nước, rác, Dịch vụ Vận tải hành khách, xe khách liên tỉnh	4900, 4111, 4112, 4789
5	Nhóm 5: Siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tạp hóa, Đồ ăn nhanh, Thức uống mang đi, Dịch vụ Viễn thông, giáo dục (Trường học)	5411, 5499, 5814, 4814, 8211, 8220
6	Nhóm 6: Phòng khám, Dịch vụ Y tế, Dịch vụ giáo dục (Trung tâm, ...),	5912, 8011, 8021, 8031, 8041, 8042, 8043, 8049, 8050, 8099, 8241, 8244, 8249, 8299
7	Nhóm 7: Taxi, Limousines	4121
8	Nhóm 8: Bảo Hiểm, Bất động sản (Dịch vụ quản lý tài sản, cho thuê BĐS, đại lý BĐS, giao dịch recurring)	5960, 6300, 7349, 6513
9	Nhóm 9: Bệnh viện	8062
10	Nhóm 10 : Cửa hàng đồ gia dụng, bán hàng điện tử	5722, 5732
11	Nhóm 11: Khách sạn từ 4 sao, resort, Sân golf, Đồng hồ, trang sức, đồng hồ và cửa hàng đồ bạc, Đại lý du lịch vé máy bay	5944, 7011, 7992, 7999, 7997, 4722
12	Nhóm 12: Khác	MCC còn lại

2 GÓI COMBO DỊCH VỤ MOBIPOS

- **Đối tượng sử dụng:** Các khách hàng có nhu cầu đăng ký, sử dụng gói Combo bộ công cụ thanh toán quản lý bán hàng số, bao gồm: Hộ kinh doanh cá thể, chuỗi cửa hàng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)...
- **Phạm vi áp dụng:** khách hàng đăng ký mới và gia hạn dịch vụ
- **Các thành phần gói Combo:**
 - + Dịch vụ Giải pháp thanh toán mobiPOS
 - + Hóa đơn điện tử từ máy tính tiền MobiFone Invoice
 - + Dịch vụ Chữ ký số tích hợp MobiFone CA
 - + Phần mềm Quản lý bán hàng MobiFone 1POS (Phần mềm QL BH)

Thành phần gói Combo	Thời gian sử dụng	Tỷ lệ giảm so với giá bán lẻ	Phạm vi áp dụng
1. Dịch vụ Giải pháp thanh toán mobiPOS 2. Hóa đơn điện tử từ máy tính tiền MobiFone Invoice 3. Chữ ký số tích hợp MobiFone CA 4. Phần mềm QL BH MobiFone 1POS	6 - 12 tháng	~ 30%	Toàn quốc

2 GÓI COMBO DỊCH VỤ MOBIPOS

TT	Tên gói	Thành phần trong gói Combo	Thời gian sử dụng	Tổng giá bán lẻ hiện hữu	Tổng giá bán gói Combo	Tỷ lệ giảm giá gói Combo	Ghi chú
1	Gói cơ bản	Dịch vụ mobiPOS	6 tháng	0,20% ^(*)	0,10% ^(**)	50%	Tặng thêm gói Phần mềm QLBH MobiFone 1POS 6 tháng áp dụng theo VB2327/MOBIFONE-GPDVS
		10.000 hóa đơn điện tử từ máy tính tiền		2.027.273 VNĐ	1.450.000 VNĐ	28.5%	
		CKS tích hợp MobiFone CA cho tổ chức					
2	Gói nâng cao 1	Dịch vụ mobiPOS	12 tháng	0,20%	0,10%	50%	Tặng thêm gói Phần mềm QLBH MobiFone 1POS 6 tháng áp dụng theo VB2327/MOBIFONE-GPDVS
		15.000 hóa đơn điện tử từ từ máy tính tiền		3.620.000 VNĐ	2.550.000 VNĐ	29.6%	
		CKS tích hợp MobiFone CA cho tổ chức					
		Phần mềm QLBH MobiFone 1POS 6 tháng					
3	Gói nâng cao 2	Dịch vụ mobiPOS	12 tháng	0,20%	0,10%	50%	Tặng thêm gói Phần mềm QLBH MobiFone 1POS 6 tháng áp dụng theo VB2327/MOBIFONE-GPDVS
		25.000 hóa đơn điện tử từ từ máy tính tiền		5.596.000 VNĐ	3.950.000 VNĐ	29.4%	
		CKS tích hợp MobiFone CA cho tổ chức					
		Phần mềm quản lý bán hàng MobiFone 1POS 12 tháng					